TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Hồng Đ, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Cao Trung K, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Trần Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009, bà và ông Cao Trung K thành hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/01/2009. Trong quá trình chung sống, bà và ông K không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, bà và ông K không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2012 đến nay. Bà Đ xác định không còn tình cảm dành cho ông K, nay bà yêu cầu được ly hôn ông cao Trung K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Cao Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng vụ án, nhưng đều vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ và lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Cao Trung K vắng mặt lần thứ hai tại phiên Tòa sơ thẩm không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, bà Đ và ông K thành hôn, sau đó đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/01/2009, nên hôn nhân của bà Đ và ông K là hợp pháp. Bà Đ và ông K đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài từ năm 2012 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn, không thể đoàn tụ gia đình được. Ông K không có ý kiến phản bác hay phản tố yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xét chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ ly hôn ông K là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận cho bà Trần Hồng Đ ly hôn ông Cao Trung K.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trần Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng, bà Trần Hồng Đ đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019324 ngày 24/7/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay đối trừ và chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời